

KẾ TOÁN CÔNG NỢ THEO CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

**Đỗ Thị Thúy Phương¹, Nguyễn Thu Hà²,
Nguyễn Thị Hạnh Hồng³**

Tóm tắt

Trong hoạt động của doanh nghiệp luôn phát sinh các khoản phải thu và các khoản phải trả. Doanh nghiệp ngoài việc phải thanh toán các khoản nợ cho các nhà cung cấp nhằm giữ chữ tín còn phải thu hồi được các khoản nợ từ khách hàng để tránh tình trạng bị chiếm dụng vốn quá lâu hoặc không có khả năng thu hồi vốn. Kế toán công nợ góp phần theo dõi, hạch toán các khoản phải thu, nợ phải trả của doanh nghiệp, đảm bảo thu chi trong kỳ. Kế toán công nợ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và uy tín của doanh nghiệp, góp phần không nhỏ vào sự tồn tại và phát triển của mỗi doanh nghiệp. Vì vậy, những người làm công tác kế toán cần phải nghiên cứu, vận dụng đúng, đủ và linh hoạt các quy định về kế toán công nợ trong chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành, để phần hành kế toán công nợ phát huy được hiệu quả trong công tác kế toán của đơn vị.

Từ khóa: Kế toán công nợ, chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp, nợ phải thu, nợ phải trả.

RECEIVABLES AND PAYABLES ACCOUNTING ACCORDING TO VIETNAMESE ACCOUNTING STANDARDS AND CURRENT POLICIES FOR CORPORATE ACCOUNTING

Abstract

Receivables and payables always arise in the operation of the business. Enterprises are obliged not only to pay for liabilities to suppliers but also to collect debts from customers in order to avoid the situation of occupied capital for too long or inability to collect receivables. Receivables and Payables Accounting contributes to track, record receivables and liabilities of the business, ensuring revenue and expenditure in the period. Receivables and Payables Accounting directly affects the results of production and business activities and reputation of the business, contributing significantly to the survival and development of each enterprise. Therefore, those who do the accounting work need to study and apply the correct, complete and flexible provisions on receivables and payables accounting in accounting standards and current corporate accounting principles in order to promote the efficiency of the receivables and payables accounting work of the business.

Keywords: Receivable and Payable Accounting, Vietnamese Accounting Standard (VAS), policies for enterprise accounting, receivables, payables.

1. Mở đầu

Quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp luôn tồn tại trong mối quan hệ với nhiều đơn vị khác. Trong đó luôn phát sinh những nghiệp vụ phải thu và phải trả. Một trong những công việc quan trọng của kế toán là phải hạch toán, theo dõi, phản ánh chính xác các khoản phải thu, phải trả, nắm được tình hình thực tế và có những dự phòng cần thiết để đảm bảo an toàn cho hoạt động của doanh nghiệp. Chính vì vậy, kế toán công nợ đóng vai trò quan trọng

trong công tác kế toán nói riêng và hoạt động của doanh nghiệp nói chung.

Trong công tác kế toán công nợ, doanh nghiệp cần phải nắm vững về nội dung và cách quản lý công nợ nhằm tránh hao hụt về vốn, điều chỉnh tình hình tài chính, chủ động trong các giao dịch, duy trì tốt các mối quan hệ với đối tác, đảm bảo không vi phạm pháp luật, phát triển được các mối quan hệ trong và ngoài doanh nghiệp. Đồng thời, căn cứ tình hình công nợ phải thu với khách hàng và công nợ phải trả đối với

nhà cung cấp, những nhà quản lý có thể đánh giá được tình hình tài chính của doanh nghiệp về khả năng thanh toán, khả năng huy động vốn, tình hình chiếm dụng vốn và số vốn đang bị chiếm dụng.

Công tác kế toán nói chung và kế toán công nợ nói riêng phải tuân thủ theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành. Việc nắm vững nguyên tắc, quy định của chuẩn mực, thông tư, quyết định của Bộ Tài chính giúp doanh nghiệp có thể vận dụng để phản ánh chính xác tình hình công nợ của đơn vị. Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành thông tư số 200/2014/TT-BTC thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và Thông tư 244/2009/TT-BTC. Chế độ kế toán mới theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ra đời để đáp ứng yêu cầu quản lý kinh tế trong giai đoạn mới, phù hợp với tình hình thực tế về kinh tế của Việt Nam, thúc đẩy môi trường đầu tư kinh doanh và hội nhập quốc tế. Chế độ kế toán theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC thay đổi toàn bộ từ hệ thống tài khoản kế toán đến báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Sự thay đổi này tác động rất lớn đến công tác kế toán của doanh nghiệp nói chung và kế toán công nợ nói riêng. Những nhà quản lý doanh nghiệp và nhất là những người làm công tác kế toán cần phải hiểu rõ những thay đổi của chế độ kế toán để có thể vận dụng đúng những quy định trong thông tư, đảm bảo tính chính xác và phù hợp.

Nhận thức đầy đủ, nắm vững nội dung về kế toán công nợ được quy định trong chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành sẽ góp phần giúp những người làm công tác kế toán phản ánh chính xác, kịp thời và đầy đủ công nợ của đơn vị, đảm bảo hiệu quả của công tác kế toán nói riêng và toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp nói chung.

2. Kế toán công nợ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam

Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) được xây dựng trên cơ sở và nền tảng của chuẩn mực kế toán quốc tế. Trong 26 chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành, có một số chuẩn mực kế toán chi phối đến kế toán công nợ của doanh nghiệp, bao gồm:

- + Chuẩn mực số 01 - Chuẩn mực chung;
- + Chuẩn mực số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái;

+ Chuẩn mực số 14 - Doanh thu và thu nhập khác;

+ Chuẩn mực số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng.

Kế toán công nợ theo chuẩn mực số 01

Thứ nhất, Chuẩn mực kế toán số 01 – Chuẩn mực chung quy định: Mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính của doanh nghiệp liên quan đến tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu, doanh thu, chi phí phải được ghi sổ kế toán vào thời điểm phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực tế thu hoặc thực tế chi tiền hoặc tương đương tiền. Như vậy, theo quy định của chuẩn mực, các khoản công nợ phải thu của khách hàng và phải trả cho người bán phải được ghi chép đầy đủ và được ghi nhận vào thời điểm phát sinh nghiệp vụ, không căn cứ vào việc thu hay chi tiền.

Thứ hai, nguyên tắc hoạt động liên tục được quy định trong chuẩn mực số 01 là cơ sở để doanh nghiệp đánh giá về thời hạn thanh toán các khoản công nợ, phân loại công nợ một cách hợp lý. Giả thiết hoạt động liên tục dẫn đến việc phản ánh các khoản công nợ theo giá tại thời điểm phát sinh công nợ mà không phản ánh theo giá thị trường.

Thứ ba, theo nguyên tắc thận trọng trong chuẩn mực số 01, doanh nghiệp cần phải lập dự phòng cho những khoản nợ phải thu của khách hàng đã quá hạn nhưng không được trích lập quá lớn, không đánh giá cao hơn giá trị của các khoản phải thu khách hàng, không đánh giá thấp hơn giá trị của các khoản nợ phải trả người bán. Khi có bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng xảy ra, kế toán phải ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng. Việc tuân thủ nguyên tắc thận trọng giúp doanh nghiệp phòng tránh các rủi ro có thể xảy ra hoặc kiểm soát rủi ro ở mức thấp nhất, giảm thiểu khả năng biến động tài chính bất thường.

Kế toán công nợ theo chuẩn mực số 10

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10, các khoản giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ làm tăng nợ phải thu, nợ phải trả được quy đổi ngoại tệ ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch để ghi sổ kế toán, các giao dịch bằng ngoại tệ làm giảm nợ phải thu, nợ phải trả được quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá ghi sổ (trước đây). Bên cạnh đó, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có

gốc ngoại tệ sẽ được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong năm tài chính.

Đồng thời, theo quy định của chuẩn mực số 10, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Số dư cuối kỳ trên tài khoản Chênh lệch tỷ giá hối đoái sẽ được kết chuyển vào doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

Tuy nhiên, doanh nghiệp không được đánh giá lại các khoản vay, nợ phải trả có gốc ngoại tệ đã sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái.

Kế toán công nợ theo chuẩn mực số 14

Chuẩn mực kế toán số 14 quy định chủ yếu các nội dung về doanh thu và thu nhập. Nhưng doanh thu gắn với quá trình bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp. Trong quá trình đó doanh nghiệp thường xuyên có các nghiệp vụ liên quan đến khách hàng như nhận trước tiền hàng của khách hàng, bán chịu cho khách hàng dẫn đến hình thành khoản phải thu. Vì vậy, kế toán công nợ liên quan chặt chẽ với kế toán doanh thu của đơn vị.

Theo quy định trong chuẩn mực số 14, các khoản tiền nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu mà được ghi nhận là một khoản nợ phải trả tại thời điểm nhận tiền trước của khách hàng. Khoản nợ phải trả về số tiền nhận trước của khách hàng chỉ được ghi nhận là doanh thu khi đồng thời thỏa mãn năm điều kiện ghi nhận doanh thu.

Khi không chắc chắn thu hồi được một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu (Nợ phải thu khó đòi) thì phải lập dự phòng nợ phải thu khó đòi mà không ghi giảm doanh thu. Khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được thì được bù đắp bằng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Kế toán công nợ theo chuẩn mực số 18

Theo chuẩn mực kế toán số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng, kế toán phải lập các khoản dự phòng cho những khoản nợ phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không lập quá lớn. Việc lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi giúp phòng tránh các rủi ro có thể xảy ra hoặc kiểm soát rủi ro ở mức thấp nhất.

Doanh nghiệp cần phải thận trọng khi đưa ra

những đánh giá trong các điều kiện không chắc chắn để không làm sai lệch tăng thu nhập hay tài sản và cũng không làm sai lệch giảm chi phí và các khoản nợ.

Tuy nhiên, việc lập dự phòng không có nghĩa tạo ra các khoản dự phòng quá mức hoặc khai khống các khoản nợ một cách cố ý. Mức lập dự phòng phải theo chế độ kế toán hiện hành.

3. Kế toán công nợ theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành

Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành được hướng dẫn chi tiết và cụ thể trong thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22/04/2014 và được áp dụng từ ngày 01/01/2015. Thông tư 200 ra đời đánh dấu bước thay đổi theo hướng hội nhập quốc tế của kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC có những thay đổi nhất định so với những quy định trước đây theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC. Kế toán công nợ cũng có những thay đổi nhất định cho phù hợp với xu thế thay đổi chung của kế toán Việt Nam.

Kế toán công nợ phải thu theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

Để hạch toán khoản Phải thu của khách hàng, kế toán sử dụng tài khoản 131 - Phải thu của khách hàng.

Khoản phải thu của khách hàng cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi (trên 12 tháng hay không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) và ghi chép theo từng lần thanh toán. Đối tượng phải thu là các khách hàng có quan hệ kinh tế với doanh nghiệp về mua sản phẩm, hàng hoá, nhận cung cấp dịch vụ, kể cả TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính. Trong hạch toán chi tiết tài khoản này, kế toán phải tiến hành phân loại các khoản nợ, loại nợ có thể trả đúng hạn, khoản nợ khó đòi hoặc có khả năng không thu hồi được, để có căn cứ xác định số trích lập dự phòng phải thu khó đòi hoặc có biện pháp xử lý đối với khoản nợ phải thu không đòi được.

Tài khoản 131 thuộc loại tài khoản Tài sản nên có kết cấu như sau: Phát sinh tăng ghi Nợ, phát sinh giảm ghi Có, số dư bên Nợ. Số dư bên Nợ của tài khoản 131 chính là tiền còn phải thu của khách hàng. Tuy nhiên, tài khoản này có thể có số dư bên Có. Số dư bên Có phản ánh số tiền

nhận trước, hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể. Do vậy, khi lập Bảng Cân đối kế toán phải lấy số dư chi tiết theo từng đối tượng phải thu của tài khoản này để ghi cả hai chỉ tiêu bên "Tài sản" và bên "Nguồn vốn".

Trong quá trình khách hàng nợ tiền của doanh nghiệp, rất dễ dẫn đến rủi ro khách hàng không có khả năng thanh toán hoặc không thanh toán cho doanh nghiệp. Theo nguyên tắc thận trọng, kế toán cần phải xem xét việc lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi. Khi

Bảng 1: Mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo chế độ KTDN hiện hành

STT	Thời gian quá hạn của các khoản nợ	Mức trích lập dự phòng
1	Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30% giá trị khoản nợ
2	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% giá trị khoản nợ
3	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70% giá trị khoản nợ
4	Từ 3 năm trở lên	100% giá trị khoản nợ

Nguồn: Thông tư số 228/2009/TT-BTC

Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kế toán công nợ phải trả theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

Để hạch toán công nợ phải trả của doanh nghiệp đối với các nhà cung cấp, kế toán sử dụng tài khoản 331 – Phải trả cho người bán. Đây là tài khoản thuộc nhóm tài khoản Nguồn vốn nên có kết cấu là phát sinh tăng ở bên Có, phát sinh giảm ở bên Nợ, số ghi Có. Tuy nhiên, tài khoản này có thể có số dư bên Nợ. Số dư bên Nợ (nếu có) phản ánh số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể. Vì vậy, khi lập Bảng Cân đối kế toán, kế toán phải lấy số dư chi tiết của từng đối tượng phản ánh ở tài khoản này để ghi 2 chỉ tiêu bên "Tài sản" và bên "Nguồn vốn".

Kế toán công nợ phải trả người bán của doanh nghiệp phải tuân thủ theo các nguyên tắc sau:

đó, kế toán sử dụng tài khoản 229 – Dự phòng tổn thất tài sản, với tài khoản chi tiết là TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi. Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu đến ngày đáo hạn khó đòi.

Kế toán cần phải theo dõi chi tiết thời hạn của các khoản nợ phải thu để xác định mức trích lập dự phòng. Mức trích lập dự phòng đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán được quy định như sau:

- Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả.

- Doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải trả cho người bán theo từng loại nguyên tệ theo nguyên tắc:

+ Khi phát sinh các khoản nợ phải trả cho người bán bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh. Riêng trường hợp ứng trước cho nhà thầu hoặc người bán, khi đủ điều kiện ghi nhận tài sản hoặc chi phí thì bên Có tài khoản 331 áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh đối với số tiền đã ứng trước.

+ Khi thanh toán nợ phải trả cho người bán bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng chủ nợ (Trường hợp chủ nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động các giao dịch của chủ nợ đó). Riêng trường hợp phát sinh giao dịch ứng trước tiền cho nhà thầu hoặc người bán thì bên Nợ tài khoản 331 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ứng trước;

+ Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả cho người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh

ng nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các đơn vị trong tập đoàn được áp dụng chung một tỷ giá do Công ty mẹ quy định để đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn.

- Khi hạch toán chi tiết các khoản phải trả người bán, kế toán phải hạch toán rõ ràng, rành mạch các khoản chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán của người bán, người cung cấp nếu chưa được phản ánh trong hóa đơn mua hàng.

4. Kết luận

Kế toán công nợ là phần hành kế toán quan trọng và tác động lớn đến hoạt động của doanh nghiệp. Người làm công tác kế toán phải đặc biệt quan tâm, nghiên cứu kỹ để nắm vững nội dung quy định về kế toán công nợ trong chuẩn mực kế toán và thường xuyên cập nhật những thay đổi của chế độ kế toán để đảm bảo hạch toán đầy đủ, chính xác, kịp thời các nghiệp vụ về công nợ nói riêng và toàn bộ các giao dịch phát sinh trong doanh nghiệp nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Tài chính (2009). *Thông tư 228/2009/TT-BTC Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản nợ dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.*
- [2]. Bộ Tài chính (2011). *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam.* Hà Nội: NXB Lao động.
- [3]. Bộ Tài chính (2013). *Thông tư số 89/2013/TT-BTC Sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/ TT –BTC ngày 07/12/2009 .*
- [4]. Bộ Tài chính (2014). *Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.*
- [5]. Bộ Tài chính (2016). *Thông tư số 53/2016/TT-BTC Sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 200/2014/TT-BTC.*

Thông tin tác giả:

- 1. Đỗ Thị Thúy Phương,** Phó giáo sư, Tiến sĩ
- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế & QTKD
- Địa chỉ email: *Thuyphuongkt.tueba@gmail.com*
- 2. Nguyễn Thu Hà,** Thạc sĩ
- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế & QTKD
- 3. Nguyễn Thị Hạnh Hồng,** Thạc sĩ
- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế & QTKD

Ngày nhận: 01/12/2016
Ngày nhận bản sửa: 16/02/2017
Ngày duyệt đăng: 10/03/2017